

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn huyện Krông Nô tháng 10/2024

(phục vụ Hội nghị ngày 11/10/2024)

Thực hiện Công văn số 7696/UBND tỉnh Đắk Nông ngày 14/12/2023 về việc thực hiện tăng cường quản lý kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2024. UBND huyện Krông Nô báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn huyện tháng 10/2024 như sau:

1. Tình hình thực và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 đến ngày 10/10/2024

1.1. Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024.

Tổng kế hoạch vốn đầu tư XDCB được giao năm 2024 là 132.673,394 triệu đồng (Bao gồm cả nguồn ngân sách tỉnh quản lý và phân bổ là 55.570 triệu đồng; nguồn vốn ngân sách huyện quản lý và phân bổ là 73.729,802 triệu đồng (đã trừ phần trích về cho Quỹ phát triển đất tỉnh: 11.788 triệu đồng, trích về cho các xã tiền bán đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện đối ứng các chương trình mục tiêu quốc gia và đầu tư khác: 17.969 triệu đồng); nguồn vốn ngân sách quản lý và phân bổ: 3.373,592 triệu đồng).

1.2. Kết quả giải ngân kế hoạch vốn đầu tư đến 10/10/2024 là **65.110,759/132.673,394** triệu đồng, đạt 49,08% KH vốn và đạt 53,66% vốn đã bố trí (**65.110,759/121.343,394 triệu đồng**). Trong đó:

- Nguồn vốn tỉnh quản lý và phân bổ: **38.559,116/55.570** triệu đồng, đạt 69,39% và đạt 69,39% vốn đã bố trí (**38.559,116/55.570** triệu đồng).

- Nguồn vốn huyện quản lý và phân bổ là: **23.689,725/73.729,802** triệu đồng, đạt 32,13% KH vốn và đạt 37,96% vốn đã bố trí (20.351,778/59.399,802 triệu đồng).

+ Nguồn vốn tỉnh phân cấp hàng năm là **12.175,709/14.819** triệu đồng, đạt 82,16% KH vốn và đạt 82,16% KH vốn đã bố trí (**12.175,709/14.819** triệu đồng).

+ Nguồn vốn cân đối ngân sách cấp huyện (nguồn vốn thu tiền sử dụng đất; nguồn tăng thu, tiết kiệm chi thường xuyên và tỉnh hỗ trợ) là **11.514,016/58.910,802** triệu đồng, đạt 19,54% kế hoạch vốn và đạt 24,2% vốn đã bố trí (11.514,016/47.580,802 triệu đồng).

- Nguồn vốn ngân sách xã phân bổ và quản lý là 2.861,918/3.373,592 triệu đồng, đạt 84,83% KH vốn và đạt 84,83% vốn đã bố trí 2.861,918/3.373,592 triệu đồng).

Nhìn chung tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 đến ngày 10/10/2024 trên địa bàn huyện mới giải ngân được **65.110,759/132.673,394** triệu đồng, đạt 49,08% KH vốn và đạt 53,66% vốn đã bố trí (**65.110,759/121.343,394 triệu đồng**). Một số công trình mở mới chưa giải ngân là do các chủ đầu tư đang triển khai hoàn tất các thủ tục đầu tư.

2. Khó khăn, vướng mắc

- Các công trình khởi công mới trong năm 2024 đến ngày 10/10/2024 các chủ đầu tư triển khai các thủ tục đầu tư còn chậm, một số công trình các chủ đầu tư chưa hoàn thành bước lập hồ sơ và phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dẫn đến chưa thực hiện giải ngân.

- Một số công trình thanh toán nợ chưa giải đạt 100% kế hoạch vốn là do hết nhu cầu thanh toán như: Trụ sở HĐND&UBND xã Đăk Nang dư: 307.216.000 đồng và Trụ sở HĐND&UBND xã Tân Thành dư: 132.636.000 đồng và chủ đầu tư đã đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp điều chỉnh, bổ sung số vốn trên sang cho công trình Đường giao thông từ xã Nam Đà đi xã Đăk Drô huyện Krông Nô.

- Một số công trình chuyển tiếp chưa giải ngân hoặc giải ngân nhưng tỷ lệ đạt rất thấp là do các chủ đầu tư chậm làm thủ tục thanh toán; một số công trình còn vướng công tác giải phòng mặt bằng như: Công trình: Đường N6, Đ3 xã Đăk Nang, Đường giao thông phát triển khu đô thị mới.

- Công trình: Xây dựng cơ sở vật chất du lịch Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đăk Nông tại điểm số 8 (núi lửa năm Kar) và điểm số 10 (cánh đồng lúa ven núi lửa) do trong quá trình triển khai thực hiện điều chỉnh dự án phải xin ý kiến góp ý của Nhóm chuyên gia tư vấn CVĐCTC UNESCO về phương án điều chỉnh công tác hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh kéo dài dẫn đến tiến độ thi công và giải ngân kế hoạch vốn chưa đảm bảo.

3. Kiến nghị, đề xuất.

- Đối với 02 công trình được bố trí vốn để thanh toán nợ, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại đã thanh toán xong, vốn còn dư là: 439.852.000 đồng, cụ thể từng công trình là: Trụ sở HĐND&UBND xã Đăk Nang dư: 307.216.000 đồng

và Trụ sở HĐND&UBND xã Tân Thành dư: 132.636.000 đồng. Kính đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp điều chỉnh, bổ sung số vốn trên sang cho công trình Đường giao thông từ xã Nam Đà đi xã Đăk Drô huyện Krông Nô.

- Đề nghị các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các thủ tục đầu tư đối với các công trình mở mới, chuyên tiếp để triển khai thi công và giải ngân kế hoạch vốn đảm bảo quy định.

Trên đây là tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024 của huyện Krông Nô tháng 10/2024./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND huyện;
- VP UBND huyện, CV;
- Các Phòng: TC-KH, KT&HT, NN&PTNT, LĐT&XH, VH&TT, Dân tộc, GD&ĐT;
- BQLDA&PTQĐ;
- UBND các xã, thị trấn Đăk Mâm;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Ngô Xuân Hà

PHỤ LỤC 01
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN, GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2024

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	TÊN DANH MỤC	Mã số dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế NS đã bố trí đến hết năm 2023	Số vốn còn thiếu	Kế hoạch vốn ĐT năm 2024			Vốn đã bố trí	Thanh toán KH vốn đầu tư đến ngày 10/10/2024			Tỷ lệ giải ngân (%)		Ghi chú			
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Theo Kế hoạch vốn	Theo vốn đã bố trí	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr đó: NSNN				Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2023 kéo dài			Thanh toán KLHT	Tạm ứng						
	TỔNG CỘNG							439.827,897	439.527,897	197.212,471	184.540,624	132.673,394	132.663,394	10,000	121.343,394	65.110,759	55.463,333	9.647,426	49,08%	53,66%				
A	NGUỒN VỐN TỈNH QUẢN LÝ VÀ PHÂN BỐ							283.185,000	283.185,000	154.879,000	128.306,000	55.570,000	55.570,000	-	55.570,000	38.559,116	31.877,518	6.681,598	69,39%	69,39%				
I	VỐN ĐĐT NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG							123.185,000	123.185,000	53.179,000	70.006,000	33.871,000	33.871,000	-	33.871,000	27.317,477	22.027,139	5.290,338	80,65%	80,65%				
I.1	Nguồn cân đối NS địa phương							123.185,000	123.185,000	53.179,000	70.006,000	33.871,000	33.871,000	-	33.871,000	27.317,477	22.027,139	5.290,338	80,7%	80,7%				
1	Công trình thanh toán nợ							19.700,000	19.700,000	14.839,000	4.861,000	2.370,000	2.370,000	-	2.370,000	1.930,148	1.930,148	-	81,4%	81,4%	-			
1.2	Trụ sở HĐND&UBND xã Đắk Nang	7865915	xã Đắk Nang	Ban QLDA&PTQĐ		2021-2023	294/QĐ-SXD ngày 25/11/2020	14.700,000	14.700,000	10.200,000	4.500,000	2.220,000	2.220,000		2.220,000	1.912,784	1.912,784		86,16%	86,16%	Hình ảnh và ảnh			
1.6	Trụ sở HĐND&UBND xã Tân Thành	7929466	Xã Tân Thành	Ban QLDA &PTQĐ huyện Krông Nô		2022-2024	2039/QĐ-UBND ngày 24/11/2021	5.000,000	5.000,000	4.639,000	361,000	150,000	150,000		150,000	17,364	17,364		11,58%	11,58%	Hình ảnh và ảnh			
2	Công trình chuyển tiếp							103.485,000	103.485,000	38.340,000	65.145,000	31.501,000	31.501,000	-	31.501,000	25.387,329	20.096,991	5.290,338	80,59%	80,59%				
2.1	Đường giao thông từ Nam Đà đi xã Đắk Drô, huyện Krông Nô (ĐH 65)	7865917	Xã Nam Đà, Đắk Drô	Ban QLDA&PTQĐ		2021-2023	1746/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	20.000,000	20.000,000	13.100,000	6.900,000	4.630,000	4.630,000		4.630,000	4.029,199	4.029,199		87,02%	87,02%				
2.2	Đường vành đai kết nối các xã trong huyện (Đ10) huyện Krông Nô	7866148	TT Đắk Mâm	Ban QLDA&PTQĐ		2022-2024	1763/QĐ-UBND ngày 31/11/2021	30.000,000	30.000,000	4.802,000	25.198,000	9.500,000	9.500,000		9.500,000	8.552,211	3.408,801	5.143,410	90,02%	90,02%				
2.3	Tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ di tích lịch sử căn cứ kháng chiến B4-Liên tỉnh IV(1959-1975) tại Nậm Nung tỉnh ĐắkNông	7929833	huyện Krông nô	Ban QLDA&PTQĐ		2022-2024	2058/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	10.000,000	10.000,000	2.232,000	7.768,000	4.000,000	4.000,000		4.000,000	2.521,247	2.521,247		63,03%	63,03%				
2.4	Đường giao thông xã Đắk Drô đi xã Tân Thành huyện Krông Nô(ĐH66)		Huyện Krông Nô	Ban QLDA &PTQĐ huyện Krông Nô		2022-2024	1517/QĐ-UBND ngày 10/9/2021	20.000,000	20.000,000	5.500,000	14.500,000	9.371,000	9.371,000		9.371,000	7.537,559	7.537,559		80,43%	80,43%				
2.5	Hồ Đắk Ri 2 xã Tân Thành huyện Krông Nô	7929520	Huyện Krông Nô	Ban QLDA &PTQĐ huyện Krông Nô		2022-2024	2365/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	15.000,000	15.000,000	8.800,000	6.200,000	2.000,000	2.000,000		2.000,000	2.000,000	2.000,000		100,00%	100,00%				
2.6	Xây dựng cơ sở vật chất du lịch Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông tại điểm số 8 (núi lửaNậm Kar) và điểm số 10 (cánh đồng lúa ven núi lửa)	7909634	Huyện Krông Nô	Ban QLDA &PTQĐ huyện Krông Nô		2022-2023	2201/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	8.485,000	8.485,000	3.906,000	4.579,000	2.000,000	2.000,000		2.000,000	747,113	600,185	146,928	37,36%	37,36%				
II	NGUỒN HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU NGÂN SÁCH TW							160.000,000	160.000,000	101.700,000	58.300,000	21.699,000	21.699,000	-	21.699,000	11.241,639	9.850,379	1.391,260	51,81%	51,81%				
1	Công trình chuyển tiếp							160.000,000	160.000,000	101.700,000	58.300,000	21.699,000	21.699,000	-	21.699,000	11.241,639	9.850,379	1.391,260	51,81%	51,81%				

STT	TÊN DANH MỤC	Mã số dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế NS đã bố trí đến hết năm 2023	Số vốn còn thiếu	Kế hoạch vốn ĐT năm 2024			Vốn đã bố trí	Thanh toán KH vốn đầu tư đến ngày 10/10/2024			Tỷ lệ giải ngân (%)		Ghi chú		
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Theo Kế hoạch vốn	Theo vốn đã bố trí			
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr đó: NSNN				Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2023 kéo dài			Thanh toán KLHT	Tạm ứng					
1.1	Đường giao thông phát triển đô thị mới thị trấn Đắk Mâm huyện Krông Nô	7.929.467	Huyện Krông Nô	Ban QLDA &PTQĐ huyện Krông Nô		2022-2025	22/NQ-HĐND 11/5/2021; 2052/QĐ-UBND	80.000,000	80.000,000	33.700,000	46.300,000	14.699,000	14.699,000	14.699,000	4.650,368	3.259,108	1.391,260	31,64%	31,64%				
1.2	Đường giao thông từ thị trấn ĐắkMâm đi xã Năm Nung và xã Năm Nửir huyện Krông Nô(ĐH57)	7.929.462	Huyện Krông Nô	Ban QLDA &PTQĐ huyện Krông Nô		2022-2025	21/NQ-HĐND 11/5/2021; 1999/QĐ-UBND	80.000,000	80.000,000	68.000,000	12.000,000	7.000,000	7.000,000	7.000,000	6.591,271	6.591,271		94,16%	94,16%				
B	NGUỒN VỐN HUYỆN QUẢN LÝ VÀ PHÂN BỐ																						
B.1	NGUỒN VỐN TỈNH PHÂN CẤP																						
I	Công trình thanh toán nợ																						
1	Nhà làm việc xã đội xã Đức Xuyên	8000378	Xã Đức Xuyên	UBND Đức Xuyên	Nhà làm việc cấp IV	2022-2025	3203/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	1.000,000	1.000,000	587,000	413,000	354,000	354,000	354,000	345,207	345,207				97,52%	97,52%		
	Trường TH Lê Văn Tám (phần hiệu Tân lập)	7929464	Xã Năm Nung	Ban QLDA&PTQĐ		202	3678/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	3.407,000	3.407,000	3.383,000	24,000	23,754	23,754	23,754	23,754	23,754				100,00%	100,00%		
II	Công trình chuyển tiếp																						
1	Trụ sở làm việc công an xã Buôn Choah	8001448	Xã Buôn Choah	UBND xã Buôn Choah	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	2023-2025	2702/QĐ-UBND ngày 27/9/2023	3.500,000	3.500,000	800,000	2.700,000	1.100,000	1.100,000	1.100,000	1.078,692	1.078,692				98,06%	98,06%		
2	Trụ sở làm việc công an xã Nam Đà	7004692	Xã Nam Đà	UBND xã Nam Đà	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	2023-2025	2582/QĐ-UBND ngày 13/9/2023	3.500,000	3.500,000	1.500,000	2.000,000	1.950,000	1.950,000	-	1.950,000	1.431,289	1.431,289				73,40%	73,40%	
3	Trụ sở làm việc công an xã Nam Xuân	7004692	Xã Nam Xuân	UBND xã Nam Xuân	Các hạng mục theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của HĐND tỉnh	2023-2025	2369/QĐ-UBND ngày 21/8/2023	3.500,000	3.500,000	1.500,000	2.000,000	1.900,000	1.900,000	1.900,000	1.455,095	1.455,095				76,58%	76,58%		
4	Trường TH Trần Quốc Toản	7998401	Xã Tân Thành	Ban QLDA & PTQĐ	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng và trang thiết bị	2023-2025	3224/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	3.699,897	3.699,897	1.076,000	2.623,897	2.490,212	2.490,212		2.490,212	2.490,212	2.490,212				100,00%	100,00%	
5	Nhà văn hoá xã Đắk Nang	7972155	Xã Đắk Nang	Phòng Dân tộc	Hội trường 200 chỗ ngồi	2022-2025	3143/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	3.000,000	2.700,000	1.200,000	1.800,000	150,000	150,000	150,000	135,064	135,064				90,04%	90,04%		
6	Đường từ Quốc lộ 28 (thôn Nam Cường) đi thôn Nam Thuận	7998398	Xã Nam Đà	Ban QLDA & PTQĐ	Nâng cấp 2,5 km đường	2023-2025	3226/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	8.500,000	8.500,000	3.930,000	4.570,000	3.976,034	3.976,034	3.976,034	3.735,190	3.735,190				93,94%	93,94%		
7	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung thôn Buôn Choah, xã Buôn Choah	7997292	Xã Buôn Choah	Phòng NN&PTNT	Cấp nước sinh hoạt nông thôn cấp IV	2022-2023	3141/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	5.000,000	5.000,000	3.950,000	1.050,000	820,000	820,000	820,000	820,000	820,000				100,00%	100,00%		
III	Công trình mở mới																						
1	Nhà làm việc xã đội xã Đắk Nang	8065512	Xã Đắk Nang	UBND xã Đắk Nang	Nhà làm việc cấp IV	2024-2025	216/NQ-HĐND ngày 21/12/2021	1.000,000	1.000,000		1.000,000	500,000	500,000		500,000	262,569		262,569		52,51%	52,51%		
2	Trụ sở làm việc công an xã Đức Xuyên	7004692	Xã Đức Xuyên	UBND xã Đức Xuyên	Các hạng mục theo Nghị quyết 54/NQ-	2024-2025	86/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	3.500,000	3.500,000		3.500,000	1.000,000	1.000,000		1.000,000	-				0,00%	0,00%		

STT	TÊN DANH MỤC	Mã số dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế NS đã bố trí đến hết năm 2023	Số vốn còn thiếu	Kế hoạch vốn ĐT năm 2024			Vốn đã bố trí	Thanh toán KH vốn đầu tư đến ngày 10/10/2024			Tỷ lệ giải ngân (%)		Ghi chú
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				Tổng số	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2023 kéo dài		Tổng số	Trong đó		Theo Kế hoạch vốn	Theo vốn đã vố trí	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr đó: NSNN								Thanh toán KLHT	Tạm ứng			
3	Trụ sở làm việc công an xã Quảng Phú, Hạng mục: Sửa chữa, cải tạo	7004692	Xã Quảng Phú	UBND xã Quảng Phú	Sửa chữa, cải tạo	2024-2025	93/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	1.500,000	1.500,000		1.500,000	555,000	555,000		555,000	398,637	10,596	388,041	71,83%	71,83%	
B.2	NGUỒN CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN							115.536,000	115.536,000	24.407,471	33.053,727	58.910,802	58.900,802	10,000	47.580,802	11.514,016	9.198,798	2.315,218	19,54%	24,20%	
B.2.1	NGUỒN VỐN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT							76.936,000	76.936,000	19.682,273	33.053,727	26.053,000	26.043,000	10,000	14.723,000	7.839,048	5.523,830	2.315,218	30,09%	53,24%	
I	Công trình chuyển tiếp							28.900,000	28.900,000	19.682,273	9.217,727	8.404,000	8.404,000	-	8.404,000	5.109,708	5.109,708	-	60,80%	60,80%	
1	Trường MN Hướng Dương	7998402	Xã Tân Thành	Ban QLCD & PTQĐ	Nhà hiệu bộ	2023-2025	3223/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	2.500,000	2.500,000	1.966,273	533,727	289,000	289,000		289,000	288,318	288,318		99,76%	99,76%	
2	Đường Võ Văn Kiệt và đường Trần Hưng Đạo, hạng mục: Nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước, hệ thống điện	7998400	TT Đăk Mâm	Ban QLCD & PTQĐ	Nâng cấp, cải tạo 0,7km đường đô thị	2023-2025	3225/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	7.000,000	7.000,000	4.800,000	2.200,000	2.104,000	2.104,000		2.104,000	588,270	588,270		27,96%	27,96%	
3	Đường từ thôn Xuyên Hà đến công ngầm Đăk Nang	7998404	Xã Đức Xuyên	Phòng Kinh tế và Hạ Tầng	Nâng cấp 2km đường giao thông	2023-2025	3204/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	4.000,000	4.000,000	2.000,000	2.000,000	1.863,000	1.863,000		1.863,000	1.839,493	1.839,493		98,74%	98,74%	
4	Đường N6, Đ3 xã Đăk Nang	7998403	Xã Đăk Nang	Phòng Kinh tế và Hạ Tầng	Nâng cấp 850m đường giao thông.	2023-2025	3205/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	2.500,000	2.500,000	1.500,000	1.000,000	962,000	962,000		962,000	-			0,00%	0,00%	
5	Nâng cấp tuyến kênh từ kênh chính vào khu tưới nhà ông Đoàn Văn Dự	7999710	Xã Đăk Nang	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Nâng cấp, sửa chữa khoảng 1.200m kênh	2023-2025	3142/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	2.900,000	2.900,000	1.450,000	1.450,000	1.271,000	1.271,000		1.271,000	879,342	879,342		69,19%	69,19%	
6	Chỉnh trang hệ thống via hè, hệ thống thoát nước tại các tuyến đường nội thị Đăk Mâm	7998399	TT Đăk Mâm	Ban QLCD & PTQĐ	Nâng cấp, cải tạo 02km via hè và hệ thống thoát nước đô thị.	2023-2025	3242/QĐ-UBND ngày 19/12/2022	10.000,000	10.000,000	7.966,000	2.034,000	1.915,000	1.915,000		1.915,000	1.514,285	1.514,285		79,07%	79,07%	
II	Công trình mở mới							48.036,000	48.036,000	-	23.836,000	17.649,000	17.639,000	10,000	6.319,000	2.729,340	414,122	2.315,218	15,46%	43,19%	
1	Trần TH Trần Phú	8083680	TT Đăk Mâm	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	2024-2025	724/QĐ-UBND ngày 27/03/2024	4.500,000	4.500,000		10.300,000	2.000,000	2.000,000	-	2.000,000	1.100,000	150,000	950,000	55,00%	55,00%	
2	Trường TH Lê Văn Tám (Điểm chính)	8070802	Xã Năm Nung	Ban QLDA&PTQĐ	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	2024-2025	1298/QĐ-UBND ngày 07/5/2024	4.500,000	4.500,000		4.500,000	1.294,000	1.294,000		1.294,000	1.102,921	137,703	965,218	85,23%	85,23%	
3	Trường TH Phan Bội Châu	8093946	xã Năm N'Đir	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Nhà lớp học 2 phòng	2024-2025	1675/QĐ-UBND ngày 11/6/2024	1.600,000	1.600,000		1.600,000	1.000,000	1.000,000		1.000,000	405,900	5,900	400,000			
4	Kênh và công trình trên kênh cánh đồng bon K' Tăh	8072359	Xã Quảng Phú	Phòng NN&PTNT	Kênh và công trình phụ trợ 1,3km	2024-2025		4.200,000	4.200,000		4.200,000	3.500,000	3.500,000			-			0,00%	#DIV/0!	
5	Trung tâm văn hoá - Thể thao huyện Krông Nô	8097051	TT Đăk Mâm	Ban QLDA&PTQĐ	Bồi thường giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng và đường giao thông	2024-2025	199/NQ-HĐND ngày 18/12/2023	30.000,000	30.000,000			7.830,000	7.830,000			-			0,00%		
6	Đổi ứng Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững)		các xã trong huyện	Phòng LĐTB&XH		2024		236,000	236,000		236,000	25,000	15,000	10,000	25,000	19,000	19,000		76,00%	76,00%	
7	Nâng cấp mở rộng bãi rác tại bãi chôn lấp, xử lý rác thải rắn huyện Krông Nô	8089320	TT Đăk Mâm	Phòng Tài nguyên và Môi trường		2024-2025		3.000,000	3.000,000	-	3.000,000	2.000,000	2.000,000		2.000,000	101,519	101,519		5,08%	5,08%	
B.2.2	Nguồn tăng thu năm 2023 chuyển sang (nguồn thu tiền sử dụng đất)							10.000,000	10.000,000	4.725,198	-	4.257,802	4.257,802	-	4.257,802	3.674,968	3.674,968	-	86,31%	86,31%	
I	Công trình chuyển tiếp							10.000,000	10.000,000	4.725,198	-	4.257,802	4.257,802	-	4.257,802	3.674,968	3.674,968	-	86,31%	86,31%	

STT	TÊN DANH MỤC	Mã số dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế NS đã bố trí đến hết năm 2023	Số vốn còn thiếu	Kế hoạch vốn ĐT năm 2024			Vốn đã bố trí	Thanh toán KH vốn đầu tư đến ngày 10/10/2024			Tỷ lệ giải ngân (%)		Ghi chú
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				Tổng số	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2023 kéo dài		Tổng số	Trong đó		Theo Kế hoạch vốn	Theo vốn đã bố trí	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr đó: NSNN								Thanh toán KLHT	Tạm ứng			
1	Trường TH&THCS Nguyễn Việt Xuân, hạng mục: Nâng cấp, mở rộng 6 phòng 2 tầng	8035202	Xã Buôn Choaoh	Phòng Giáo dục và Đào tạo		2023-2024	2437/QĐ-UBND ngày 29/8/2023	4.000,000	4.000,000	2.017,400		1.969,600	1.969,600		1.969,600	1.582,383	1.582,383		80,34%	80,34%	
2	Trường TH Võ Thị Sáu, hạng mục: Nâng cấp mở rộng nhà lớp học 08 phòng 2 tầng	8035203	Xã Đăk Nang	Phòng Giáo dục và Đào tạo		2023-2025	2576/QĐ-UBND ngày 12/9/2023	4.000,000	4.000,000	1.707,798		1.288,202	1.288,202		1.288,202	1.117,792	1.117,792		86,77%	86,77%	
3	Sửa chữa trụ sở làm việc của Ban Dân vận, MTTQ và các đoàn thể huyện Krông Nô (tại địa chỉ mới)	8051436	TT Đăk Mâm	Ban Dân vận		2023-2025	2940/QĐ-UBND ngày 09/10/2023	2.000,000	2.000,000	1.000,000		1.000,000	1.000,000		1.000,000	974,793	974,793		97,48%	97,48%	
B.2.3	Nguồn tỉnh hỗ trợ tại Quyết định 219/QĐ-UBND ngày 03/3/2024 của UBND tỉnh							28.600,000	28.600,000	-	-	28.600,000	28.600,000	-	28.600,000	-	-	-	0,00%	0,00%	
1	Khắc phục tình trạng sạt lở khu dân cư vùng trọng điểm lương thực dọc suối Đăk Nang	8098153	Xã Đăk Nang	Văn phòng Ban chỉ huy PCTT&TKCN		2024	1579/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	26.600,000	26.600,000			26.600,000	26.600,000		26.600,000				0,00%	0,00%	
2	Khắc phục sạt lở tại hồ thị trấn Đăk Mâm	8098154	TT Đăk Mâm	Văn phòng Ban chỉ huy PCTT&TKCN		2024	696/QĐ-UBND ngày 22/3/2024	2.000,000	2.000,000			2.000,000	2.000,000		2.000,000				0,00%	0,00%	
C	NGÂN SÁCH XÃ							-	-	-	-	3.373,592	3.373,592	-	3.373,592	2.861,918	2.861,918	-	84,83%	84,83%	
I	Xã Quảng Phú							-	-	-	-	123,269	123,269	-	123,269	116,973	116,973	-	94,89%	94,89%	
1	Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ công an: Mở rộng trường TH Bế Văn Đàn	8080180	Xã Quảng Phú	UBND xã Quảng Phú		2023-2024						123,269	123,269		123,269	116,973	116,973		94,89%	94,89%	
II	Xã Đăk Sôr											3.250,323	3.250,323	-	3.250,323	2.744,945	2.744,945	-	84,45%	84,45%	
1	Trụ sở UBND xã Đăk Sôr, HM: Kho lưu trữ, nhà xe, khuôn viên cảnh quan	8087336	Xã Đăk Sôr	UBND xã Đăk Sôr								718,766	718,766		718,766	718,766	718,766		100,00%	100,00%	
2	Đường giao thông thôn Nam Cao đi trung tâm xã (đoạn từ rẫy ông Lương Văn Giám đến QL28)	8068989	Xã Đăk Sôr	UBND xã Đăk Sôr		2023-2021						800,000	800,000		800,000	693,101	693,101		86,64%	86,64%	
3	Công chào nông thôn mới	8059102	Xã Đăk Sôr	UBND xã Đăk Sôr		2023-2022						511,557	511,557		511,557	504,892	504,892		98,70%	98,70%	
4	Trường trung học cơ sở Đăk Sôr	8262401	Xã Đăk Sôr	UBND xã Đăk Sôr		2023-2023						250,000	250,000		250,000	234,976	234,976		93,99%	93,99%	
5	Trường Mầm non Hoa Mai	8061789	Xã Đăk Sôr	UBND xã Đăk Sôr		2023-2024						320,000	320,000		320,000	-	-		0,00%	0,00%	
6	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong	8054084	Xã Đăk Sôr	UBND xã Đăk Sôr		2023-2025						250,000	250,000		250,000	193,210	193,210		77,28%	77,28%	
7	Nhà văn hoá xã Đăk Sôr	8087335	Xã Đăk Sôr	UBND xã Đăk Sôr		2.024,00						400,000	400,000		400,000	400,000	400,000		100,00%	100,00%	